

ÁP DỤNG LUẬT NGOẠI GIAO LÃNH SỰ VÀ LUẬT KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG CHIẾN TRANH PHỨC HỢP

NGUYỄN THU HƯƠNG*

Trong bối cảnh hiện nay, các vấn đề liên quan đến bảo hộ công dân và những chính sách kinh tế quốc tế có thể tác động đến vấn đề quản lý nhà nước và an ninh quốc gia. Bài viết tập trung phân tích: (1) Chiến tranh phức hợp trong lĩnh vực ngoại giao và việc áp dụng pháp luật ngoại giao và lãnh sự; (2) Chiến tranh phức hợp trong lĩnh vực kinh tế và việc áp dụng pháp luật quốc tế¹.

Từ khóa: Chiến tranh phức hợp; Luật Ngoại giao lãnh sự; Luật Kinh tế quốc tế, bảo hộ công dân, quản lý người nước ngoài.

In the current context, issues related to citizen protection and international economic policies can significantly impact state governance and national security. This article analyzes two key aspects: (1) Hybrid warfare in diplomacy and the application of Diplomatic and Consular Law, and (2) Hybrid warfare in the economic domain and the application of International Economic Law.

Keywords: Hybrid warfare; Diplomatic and Consular Law; International Economic Law; citizen protection; foreigner management.

NGÀY NHẬN: 05/9/2024 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 12/10/2024 NGÀY DUYỆT: 18/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.346.2024.1009>

1. Đặt vấn đề

Bên cạnh việc áp dụng chiến lược ngoại giao tại các diễn đàn quốc tế và khu vực, Việt Nam luôn chú trọng đến công tác quản lý người nước ngoài và công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài nhằm giảm thiểu các vấn đề phức tạp có thể là tiền đề cho các hoạt động thuộc hình thức chiến tranh phức hợp đa dạng. Vì vậy, thuật ngữ “chiến tranh phức hợp” lần đầu tiên được các học giả phương Tây, các nhà quân sự, học giả và giới truyền thông đã đưa ra tên gọi khác nhau, như: chiến tranh phức hợp/hỗn hợp; thách thức phức hợp; chiến tranh phi tuyến tính; hoạt động

vùng xám... Các định nghĩa liên quan đến “chiến tranh phức hợp/hỗn hợp” được các nước phương Tây áp dụng với những khác biệt đáng kể². Khái niệm “chiến tranh phức hợp” thường được sử dụng để chỉ những hiện tượng vùng xám mà ở đó ranh giới giữa chiến tranh và hòa bình mờ nhạt. Các hoạt động trong chiến tranh phức hợp luôn duy trì ở mức dưới ngưỡng khốc liệt của chiến tranh truyền thống, song hậu quả của chiến tranh phức hợp cũng không kém phần nghiêm trọng so với chiến tranh truyền thống³.

* TS, Viện Nhà nước và Pháp luật - Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam

Mặc dù khái niệm chiến tranh phức hợp liên tục được mở rộng về nội hàm nhưng có thể nhận diện được với các đặc điểm chính khi có sự kết hợp của các yếu tố cấu thành chiến tranh thông thường với khía cạnh “bất thường” từ không gian tác chiến, vũ khí, phương thức triển khai thông thường và khác thường, bao gồm cả thông qua hoạt động khủng bố, lật đổ... để đạt được mục tiêu chính trị. Nghiên cứu về cách thức tiến hành của Nga, Trung tâm Phân tích Chính sách châu Âu (CEPA) cũng coi đó là cuộc chiến tranh phức hợp và khẳng định nước Nga đã và đang áp dụng các phương tiện chiến tranh thông thường và phi thông thường để tiến hành một cuộc cạnh tranh chiến lược nhằm đạt được chương trình nghị sự của mình⁴.

Theo lý thuyết “chiến tranh phức hợp” thì chiến tranh hiện đại đã phá vỡ giới hạn quân sự truyền thống. Đây là một dạng chiến tranh kiểu mới, trong đó bối cảnh xảy ra chiến tranh thông thường hoặc xung đột quân sự, các thực thể quốc gia hoặc phi quốc gia sử dụng kết hợp lực lượng quân sự thông thường và phi quân sự cùng với các biện pháp chính trị, kinh tế, ngoại giao, thông tin và các phương tiện phi quân sự khác để đạt được mục tiêu quân sự và chính trị của họ. Thông qua thực tiễn “chiến tranh phức hợp” trong cuộc khủng hoảng Ukraine, có thể nhận diện các không gian tác chiến mà chiến tranh phức hợp có thể triển khai trong đó, bao gồm cả lĩnh vực ngoại giao và kinh tế.

2. Chiến tranh phức hợp trong lĩnh vực ngoại giao và việc áp dụng pháp luật ngoại giao và lãnh sự

a. Tác động đến quan hệ đồng minh, uy tín quốc tế của các bên tại các diễn đàn đa phương cũng như cộng đồng quốc tế

Ở Việt Nam, lịch sử đã minh chứng về chiến tranh biên giới Việt Nam - Campuchia, (Chiến tranh biên giới Tây Nam) bắt nguồn từ các hoạt động quân sự của quân Khmer đỏ tấn công vào lãnh thổ Việt Nam, giết người dân, đặc biệt là vụ thảm sát Ba Chúc khiến hơn 3.000 dân thường Việt Nam thiệt mạng⁵.

Vào ngày 25/12/1978, Việt Nam tiến hành tấn công tự vệ, đồng thời giải phóng Campuchia khỏi chế độ diệt chủng của Khmer đỏ⁶. Dưới sự giúp đỡ của Việt Nam, ngày 08/01/1979, Hội đồng Nhân dân Cách mạng nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia do Heng Samrin làm Chủ tịch đã được thành lập. Sau khi giành thắng lợi tại chiến trường Campuchia, việc Việt Nam ở lại giúp Campuchia truy quét tàn quân Khmer đỏ theo lời mời của Thủ tướng Hunsen đã khởi đầu cho loại chiến tranh hình thái mới - “chiến tranh phức hợp” với bên kia chiến tuyến là các nước phương Tây cùng với Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á được tiến hành trên nhiều mặt trận nhằm cô lập Việt Nam, lên án Việt Nam “xâm lược” Campuchia mà thực sự bản chất đây là hoạt động tự vệ trước sự xâm lược của Khmer đỏ (sau khi đưa quân vào Campuchia, Việt Nam đã chủ động thông báo với Hội đồng Bảo an vào ngày 11/01/1979 theo quy định về quyền tự vệ chính đáng được quy định tại Điều 51 Hiến chương Liên hiệp quốc). Cộng đồng quốc tế lại chỉ nhắc đến việc Việt Nam đưa quân vào Campuchia mà bỏ quên tội ác của chính quyền Khmer đỏ - phạm tội ác diệt chủng và việc lật đổ chính quyền Khmer Đỏ là cần thiết để kịp thời ngăn chặn tội ác này.

Tại kỳ họp Hội đồng Bảo an họp ngày 12/01/1979 và các hoạt động ngoại giao tại diễn đàn đa phương này của Việt Nam được tiến hành nhằm tháo gỡ những cáo buộc sai sự thật về Việt Nam. Điều này cho thấy, Việt Nam thực hiện nghĩa vụ quốc tế về bảo vệ quyền con người trong bối cảnh Liên hiệp quốc và các nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an (trừ Liên Xô) không quan tâm đến nạn diệt chủng tại Campuchia. Căn cứ vào Hiến chương Liên hiệp quốc, lực lượng vũ trang Việt Nam thực hiện quyền tự vệ và thực hiện nghĩa vụ quốc tế là biện pháp tương xứng để kịp thời chấm dứt tội ác chống lại loài người do Khmer đỏ tại Campuchia.

Hội đồng Bảo an thông qua Nghị quyết số 668 ngày 20/9/1990, trong đó công nhận Hội nghị Paris về vấn đề Campuchia đã đưa ra giải

pháp chính trị ở Campuchia, đại diện Hội đồng Dân tộc Tối cao sẽ giữ ghế của Campuchia tại Liên hiệp quốc thay cho Khmer đỏ⁷. Đây là văn kiện đầu tiên có tính ràng buộc các bên liên quan ở Campuchia trong vấn đề này. Năm 1997, theo thư của hai đồng Thủ tướng Campuchia gửi Tổng Thư ký Liên hiệp quốc xin trợ giúp tổ chức xét xử các lãnh đạo cao cấp của Khmer đỏ, hai bên ký kết Hiệp định và căn cứ hiệp định ngày 06/6/2003, Tòa án Đặc biệt Campuchia được Đại hội đồng Liên hiệp quốc phê chuẩn⁸. Đây là kết quả thắng lợi của Campuchia cũng như Việt Nam về việc xác định tội ác diệt chủng của Khmer đỏ dựa trên pháp luật quốc tế cũng như hóa giải định kiến mang tính hạ thấp uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.

Bên cạnh đó, việc rút quân hoàn toàn khỏi Campuchia theo đường lối chủ động của Việt Nam cũng như theo Hiệp định Paris về Campuchia đã tháo gỡ nút thắt trong xây dựng niềm tin giữa các quốc gia Đông Nam Á và Việt Nam. Sau giai đoạn này, năm 1995 là mốc lịch sử hóa giải chiến tranh phức hợp trên mặt trận ngoại giao khi Việt Nam trở thành thành viên ASEAN cũng như đã bình thường hóa quan hệ với Mỹ...

b. Hoạt động lãnh sự và công tác bảo hộ công dân

Trong chính sách quản lý người nước ngoài tại Việt Nam hiện tại còn nhiều vấn đề, trong đó có hành vi vi phạm pháp luật lợi dụng các quy định thông thoáng về xuất, nhập cảnh của Việt Nam, như miễn thị thực đơn phương có thời hạn cũng như thỏa thuận miễn thị thực với nhiều nước khác. Ngoài ra, còn trường hợp, người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam, sau đó lách luật và tìm cách ở lại không theo căn cứ ban đầu, dẫn đến một lượng lao động nhập cư bất hợp pháp và gây bất ổn trong thị trường lao động việc làm, kéo theo các vấn đề chính trị, xã hội khác.

Thực tế, lực lượng quản lý xuất, nhập cảnh đã xử lý hàng nghìn trường hợp người nước ngoài vi phạm, buộc xuất cảnh, trục xuất nhiều trường hợp, trong đó nhiều đối tượng

lập thành nhóm gồm cả số nhập cảnh trái phép, sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đánh bạc... Cơ quan chức năng cũng phát hiện nhiều trường hợp nhập cảnh bằng thị thực điện tử để tìm kiếm việc làm, hoạt động trái mục đích nhập cảnh⁹. Việc quản lý người nước ngoài hoạt động du lịch thương mại và đầu tư trong khu vực biên giới cũng là vấn đề cần được điều chỉnh hợp lý căn cứ vào các Hiệp định giữa Việt Nam với các nước láng giềng cũng như pháp luật Việt Nam quản lý khu vực biên giới và dân cư. Đây cũng là khu vực nhạy cảm, chiến tranh phức hợp có thể xảy ra bất cứ lúc nào vì những mục tiêu chính trị.

Vấn đề bảo hộ công dân cũng là nội dung đáng bàn khi thực tiễn cho thấy, một số nước đã dùng chiêu bài bảo hộ công dân họ để lấy cớ can thiệp vào công việc của nước khác. Dưới góc độ *Hiến pháp* cũng như tinh thần của luật quốc tế, Nhà nước có trách nhiệm bảo hộ công dân của mình ở nước ngoài¹⁰. Trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế, bảo hộ công dân ở nước ngoài phải căn cứ vào pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia liên quan¹¹. Pháp luật quốc gia liên quan ở đây bao gồm pháp luật quốc gia bảo hộ (pháp luật quốc nội) và quốc gia sở tại¹². Một số tác giả còn chỉ rõ ảnh hưởng và sự khác biệt giữa dân luật và thông luật trong bảo hộ công dân ở nước ngoài¹³.

Một là, *pháp luật quốc gia tiến hành bảo hộ*: xét trong mối quan hệ với công dân, chủ thể chịu trách nhiệm bảo hộ công dân/bảo hộ ngoại giao là Nhà nước (khoản 3 Điều 17 *Hiến pháp* năm 2013). Pháp luật quốc nội đóng vai trò quan trọng khi tạo cơ sở pháp lý ấn định nghĩa vụ bảo hộ công dân và xác định trách nhiệm bảo hộ công dân ở nước ngoài một cách cụ thể. Nhiệm vụ đầu tiên của Chính phủ là cố gắng bảo vệ công dân của mình. Pháp luật Việt Nam cũng ấn định nghĩa vụ bảo hộ công dân cũng như trách nhiệm bảo hộ công dân ở nước ngoài thuộc về Nhà nước. Nhà nước bảo hộ, Chính phủ có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo hoạt động của các cơ quan đại

diện của Nhà nước tại nước ngoài và tại các tổ chức quốc tế trong bảo vệ lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (khoản 6 Điều 22 *Luật Tổ chức Chính phủ* năm 2015); các cơ quan nhà nước ở trong nước, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thi hành mọi biện pháp cần thiết, phù hợp với pháp luật của nước sở tại, pháp luật và tập quán quốc tế để thực hiện sự bảo hộ đó.

Hai là, pháp luật quốc tế: ấn định nghĩa vụ các quốc gia bảo đảm quyền cá nhân (quyền con người) trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền tài phán của mình mà không phân biệt các yếu tố nhân thân, trong đó bao gồm cả quốc tịch (theo khoản 1 Điều 2 Công ước về quyền dân sự, chính trị ICCPR; khoản 1 Điều 2 Công ước về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa ICESCR). Chính vì vậy, những yêu cầu bảo hộ công dân ở nước ngoài liên quan đến an toàn cá nhân, tìm người mất tích, bị phân biệt đối xử vì màu da, quốc tịch, bị xâm phạm quyền và tự do cơ bản bởi cơ quan/cá nhân thực thi công vụ (khi quyền con người bị xâm phạm) trước hết thuộc trách nhiệm bảo đảm, bảo vệ quyền con người của nước sở tại; nước có công dân là nạn nhân có thể tiến hành các biện pháp bảo hộ lãnh sự, bảo hộ ngoại giao và các biện pháp khác căn cứ vào pháp luật quốc tế.

Ba là, pháp luật nước sở tại: là 1 trong 3 thành tố của cơ sở pháp lý bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài (Điều 6 *Luật Quốc tịch*). Quyền bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài trong mối quan hệ với quốc gia sở tại (căn cứ theo pháp luật quốc tế) hay nghĩa vụ bảo hộ công dân ở nước sở tại của Nhà nước Việt Nam trong mối quan hệ với công dân (căn cứ theo pháp luật Việt Nam) đều phải được tiến hành phù hợp với pháp luật nước sở tại bởi yếu tố chủ quyền của nước đó. Việc tiến hành bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở bảo đảm sự phù hợp, tôn trọng pháp luật nước sở tại sẽ tránh được tình trạng vi phạm nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nước sở tại;

tránh xung đột pháp luật giữa các nước liên quan; tránh mâu thuẫn nảy sinh giữa hai nước trong quá trình bảo hộ công dân.

Mặt khác, trên cơ sở pháp luật nước sở tại, cơ quan đại diện Việt Nam có thể hợp tác với cơ quan chức năng của nước sở tại trong quá trình bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Các biện pháp bảo hộ công dân có thể được thực hiện thông qua các hoạt động của cơ quan đại diện ở nước ngoài, như: yêu cầu quốc gia sở tại bảo đảm an toàn cho công dân trong bối cảnh khủng hoảng hoặc ở mức độ nghiêm trọng có thể tạo sức ép ngoại giao khi tiến hành các biện pháp cứng rắn bảo hộ công dân. Đôi khi, mục tiêu bảo hộ công dân lại là tiền đề cho việc các quốc gia áp dụng các biện pháp cứng rắn như rút cơ quan đại diện, cắt đứt quan hệ ngoại giao, bao vây cấm vận hoặc đưa vụ việc ra các thiết chế quốc tế giải quyết.

Lịch sử quan hệ Việt Nam và Canada cũng đã từng có giai đoạn thăng trầm khi liên quan đến động thái bảo hộ công dân của Canada đối với tội phạm vận chuyển 5,1kg ma túy Nguyễn Thị Hiệp - phụ nữ gốc Việt quốc tịch Canada khi nhập cảnh vào Việt Nam. Theo thẩm quyền xét xử và thi hành án hình sự thuộc về quốc gia mà hành vi phạm tội xảy ra (trừ trường hợp các hiệp định tương trợ tư pháp hình sự quy định khác). Thực tế đã minh chứng, mối quan hệ giữa hai nước đã vượt qua nút thắt và đã trở thành đối tác toàn diện của nhau năm 2017¹⁴ và kỷ niệm 50 năm hợp tác hữu nghị toàn diện vào tháng 8/2023. Việc này đã thể hiện, bất luận các biện pháp bảo hộ công dân được sử dụng là biện pháp gì thì luôn phải được thực hiện trong phạm vi giới hạn của luật quốc tế.

3. Chiến tranh phức hợp trong lĩnh vực kinh tế và việc áp dụng pháp luật quốc tế

Dựa trên thực tiễn chiến tranh phức hợp Nga - Mỹ sau sự kiện Crum cũng như trong chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tấn công Ucraina, Mỹ đã áp đặt nhiều đợt trừng phạt kinh tế đối với Nga. Thông thường, các phương thức chiến tranh kinh tế bắt đầu từ các kênh, như: (1) Tài chính (trừng phạt các

tổ chức tài chính, hạn chế tài sản dự trữ và thiết lập các rào cản tài chính. Đối với Nga, hai biện pháp ảnh hưởng lớn nhất là cắt đứt Nga khỏi hệ thống thanh toán quốc tế SWIFT và hạn chế việc sử dụng dự trữ ngoại hối của Nga; (2) Thương mại (áp đặt các biện pháp phong tỏa và kiểm soát xuất khẩu công nghệ cao chưa từng có đối với Nga; hủy bỏ quy chế tối huệ quốc đối với Nga; áp thuế cao đối với hàng xuất khẩu, chặn các kênh vận chuyển và dựng lên các rào cản thương mại).

Để đối phó với các lệnh trừng phạt toàn diện mà Mỹ¹⁵ và các nước đồng minh tiến hành, Nga đã: (1) Tuyên bố tăng lãi suất cơ bản nhằm ổn định tỷ giá đồng Rub và kiềm chế lạm phát trong nước; triển khai các biện pháp kiểm soát vốn tạm thời, hạn chế dòng vốn chảy ra nước ngoài. Sử dụng hệ thống truyền tải thông tin tài chính (SPFS), Hệ thống thẻ thanh toán quốc gia (NSPK) hoặc chuyển sang sử dụng Nhân dân tệ cho các giao dịch xuyên biên giới (CIPS) để thanh toán thay hệ thống SWIFT, thẻ Visa và MasterCard; (2) Sử dụng ưu thế về năng lượng - lợi thế của Nga để xoay chuyển tình thế và buộc đối phương phải theo luật chơi chủ động của mình.

Nếu như chiến tranh phức hợp trên không gian tác chiến kinh tế thương mại hiện vẫn đang tiếp diễn trong mối quan hệ Nga - Mỹ và các nước NATO cũng như đồng minh của họ thì chiến tranh phức hợp mà Mỹ và đồng minh cũng như Trung Quốc và đồng minh ủng hộ Khmer đỏ tiến hành đối với Việt Nam thông qua nghị quyết của Liên hiệp quốc nhằm bao vây cấm vận Việt Nam đã đi vào quá khứ. Song sức tàn phá về mặt kinh tế và hậu quả trong giai đoạn đó đã ảnh hưởng rất lớn đối với Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ khu vực, việc trở thành thành viên ASEAN và tham gia vào khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) đã loại bỏ tình trạng cô lập kinh tế trong khu vực và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trong những năm phát triển sau cấm vận của Việt Nam. Hơn thế nữa, Việt Nam hiện đang là thành viên của 18 Hiệp định thương mại tự

do (FTA) với các đối tác quốc gia/nền kinh tế/khu vực (7 FTAs trong khuôn khổ ASEAN) và 2 FTAs mang tính khu vực (CPTPP và RCEP) cùng với 7 Hiệp định song phương (với Chile, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Liên minh Kinh tế Á - Âu, UK và Israel). Việc ký nhiều FTA có thể tạo cơ hội sử dụng chúng trong cả trường hợp bị áp dụng lệnh trừng phạt thông qua sự hưởng lợi từ các điều ước trung gian.

Thực tế cho thấy, một nền kinh tế nhỏ như Việt Nam luôn phải dự phòng bị áp các lệnh trừng phạt mà không có cơ hội dùng biện pháp kinh tế thương mại trả đũa kể cả khi bị đối xử không thân thiện; có thể bị thiệt hại từ các phương thức chiến tranh phức hợp trong lĩnh vực kinh tế mà không có khả năng ứng phó. Chính vì lẽ đó, các công cụ có thể sử dụng để ứng phó đóng vai trò hết sức quan trọng trong cuộc chiến không rõ ranh giới này với các đối thủ có nền kinh tế mạnh hơn Việt Nam.

Hiện nay, hầu hết các đối tác kinh tế thương mại của Việt Nam đều là thành viên WTO và các thị trường lớn của Việt Nam còn là thành viên các FTA với Việt Nam (có thể thông qua ASEAN), vậy nên một khi chiến tranh phức hợp với các đặc điểm của nó bị khởi xướng bởi các đối tác đó thì có thể sử dụng kênh hòa bình giải quyết các tranh chấp kinh tế thương mại. Đương nhiên các biện pháp đàm phán ngoại giao, trung gian hòa giải sẽ được áp dụng đầu tiên. Nếu không thể giải quyết, Việt Nam có thể sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO theo thẩm quyền DSB thông qua thủ tục DSU giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia thành viên. Các FTA mà Việt Nam là thành viên cũng ghi nhận cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các thành viên chuyên biệt và đó là những cơ chế giải quyết mà một nền kinh tế nhỏ như Việt Nam có thể vận dụng để bảo vệ lợi ích kinh tế, giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường của một nền kinh tế lớn.

4. Kết luận

Bảo hộ công dân ở nước ngoài và quản lý người nước ngoài là một công tác quan trọng của mọi Nhà nước. Việt Nam đã và đang tích

cực tham gia các công ước quốc tế về bảo vệ quyền con người, quyền công dân...; đồng thời, tích cực và chủ động nội luật hóa các điều ước quốc tế thành pháp luật quốc gia thông qua các chế định trong *Hiến pháp*, nhưng để công tác bảo hộ công dân cũng như quản lý người nước ngoài được hiệu quả, hợp pháp và hợp lý, ngoài việc Nhà nước cần tăng cường ký kết các hiệp định quốc tế song phương về bảo hộ công dân thì cũng cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong nước để từ đó có các căn cứ vững chắc và hiệu quả cho công tác này. Ngoài ra, việc hiểu rõ pháp luật của nước sở tại trong công tác bảo hộ công dân cũng là một yêu cầu quan trọng với các cơ quan ngoại giao và lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài tránh rủi ro tiềm ẩn vướng vào chiến tranh phức hợp.

Bên cạnh đó, việc Việt Nam tham gia FTAs đã tạo cơ hội kết nối thị trường thương mại rộng lớn mà ở đó, các nguyên tắc pháp luật thương mại quốc tế được áp dụng sẽ loại trừ về mặt lý thuyết việc sử dụng tùy tiện các công cụ chiến tranh kinh tế thương mại như thủ pháp chiến tranh phức hợp. Tuy nhiên, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật để bảo đảm cơ sở pháp lý, phòng ngừa, hạn chế rủi ro khi áp dụng luật kinh tế quốc tế. □

Chú thích:

1. Bài viết thuộc nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ: “Áp dụng pháp luật quốc tế trong phòng ngừa, giải quyết chiến tranh phức hợp”. Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, 2024.

2. Lê Mai Thanh (2023). Báo cáo “Khái niệm chiến tranh phức hợp và vũ lực trong luật quốc tế” tại Hội thảo của Viện Nhà nước và Pháp luật, tháng 12/2023.

3. The Economist 2022; *The Wall Street Journal* 2022; *The New York Times* 22022 Frank Hoffman: *Conflict in the 21st century: The rise of hybrid wars*, Potomac Institute for policy studies, Arlington, Virginia, 12/2007.

4. *Chiến tranh phức hợp và hàm ý chính sách quốc phòng*. <http://m.tapchiquptd.vn>, ngày 22/6/2021.

5. Tội ác tày trời của tập đoàn Pol Pot gây ra

IKLOJ cho Việt Nam. <https://www.qdnd.vn>, ngày 31/12/2018.

6. *40 năm chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam: Cuộc chiến tranh bất buộc*. <https://nld.com.vn>, ngày 05/01/2019.

7. *Resolution 668 (1990)/adopted by the Security Council at its 2941st meeting, on 20 September 1990*. <https://digitallibrary.un.org/record/97341>

8. “A/RES/57/228B” (PDF) (02/5/2003). Bản gốc (PDF) lưu trữ ngày 03/7/2007, truy cập ngày 07/7/2024.

9. Bộ Công an (2024). *Tăng cường các biện pháp quản lý cư trú, hoạt động của người nước ngoài tại cấp cơ sở trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024*. Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh Việt Nam đăng tin ngày 07/02/2024.

10. Edwin Borchard, *Basic Elements of Diplomatic Protection of Citizens Abroad*, The American Journal of International Law, Vol. 7, No. 3 (7/1913); *Diplomatic Protection of Citizens Abroad*, The Banks Law Publishing Co, New York 1916.

11. Glahn, *Law Among Nations: An Introduction to Public International Law*, Gerhard 3d ed. New York, 1976” với 4 chương đánh giá bản chất pháp lý bảo hộ công dân ở nước ngoài.

12. Lê Mai Thanh (2022). *Bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài*. Đề tài cấp Bộ, Viện Nhà nước và Pháp luật, tr. 58 - 64.

13. Edwin M. Borchard, *Protection of Citizens Abroad and Change of Original Nationality*, Yale Law Journal 1/1934, No 4.

14. *Đại sứ quán Việt Nam tại Canada, Quan hệ Việt Nam - Canada*. <https://vietnamembassy.ca/vi/quan-he-viet-nam-canada-2>

15. Franklin D.Kramer,Hans Binnendijk and Dan Hamilton, “*Defend the Arteries of Society: Countries need new strategies to protect critical networks and infrastructure*” U.S.News,June 9,2015, <https://www.usnews.com/opinion/blogs/world-report/2015/06/09/russia-ukraine-and-the-rise-of-hybrid-warfare>.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2018). *Hiến pháp* năm 2013.

2. Quốc hội (2008). *Luật Quốc tịch Việt Nam* năm 2008.

3. Quốc hội (2009). *Luật Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài* năm 2009.